

Thực hiện tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp

Nguyễn Thủy Trang*, Nguyễn Thị Nhung*

*Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 28/8/2024; Accepted: 09/9/2024; Published: 20/9/2024

Abstract: University autonomy is an inevitable trend of Vietnam universities to keep up with the development and satisfy the needs of the universities themselves. Although Vietnam has achieved many impressive achievements in the process of implementing university autonomy, there are still many problems and difficulties. Therefore, the synchronous implementation of solutions on policies, training quality, scientific research, and development cooperation is extremely necessary to promote university autonomy in Vietnam.

Keyword: University autonomy, higher education, education quality.

1. Đặt vấn đề

Nền giáo dục Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Xã hội đang đòi hỏi nguồn lao động chất lượng cao vượt ngoài khả năng đáp ứng của tư duy giáo dục truyền thống. Đại học tự chủ là trung tâm của đổi mới sáng tạo và cải cách giáo dục. Tự chủ giúp các trường đại học có một nguồn lực mạnh mẽ và linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của đào tạo của người học và nhu cầu nhân lực của nền kinh tế số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về tự chủ đại học

Tự chủ đại học (university autonomy) là khái niệm có nguồn gốc lịch sử từ tư tưởng “tự do” của triết học Hi Lạp cổ đại trong giáo dục đại học ở Châu Âu được định nghĩa: “Là mức độ độc lập cần thiết đối với các tác nhân can thiệp bên ngoài mà nhà trường cần có để thực hiện được việc quản trị và tổ chức nội bộ, việc phân bổ các nguồn lực tài chính trong phạm vi nhà trường, việc tạo ra và sử dụng các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách công, việc tuyển dụng nhân sự, việc xây dựng các tiêu chuẩn cho học tập và nghiên cứu và cuối cùng là quyền tự do trong việc tổ chức thực hiện nghiên cứu và giảng dạy” (Đào Trọng Thi, 2020). Như vậy, tự chủ và tự do là những thuộc tính gắn liền với sự ra đời và phát triển của các trường đại học. Trong thời kỳ này, các trường đại học ở châu Âu bắt đầu đòi hỏi độc lập và tự quản lý khỏi sự kiểm soát của các cơ quan quản lý hoặc nhà nước. Điều này thể hiện sự phát triển của ý tưởng về tự chủ đại học và quyền tự quyết trong việc quản trị và đào tạo của trường đại học. Tuy vậy, khái niệm này đã phát triển, thay đổi theo thời gian và ngữ

cảnh cụ thể.

Kể từ khi Việt Nam bắt đầu triển khai chủ trương về đổi mới giáo dục nói chung và tự chủ đại học nói riêng, xuất hiện hai cách hiểu khác “cực đoan” về tự chủ đại học. Thứ nhất, ở góc độ quản lý nhà nước, có xu thế xem tự chủ đại học là việc cơ sở giáo dục phải tự xoay trở nguồn lực để vận hành, phát triển, theo đó cơ chế phân bổ ngân sách bị xoá bỏ. Thứ hai, ở cấp độ cơ sở giáo dục đại học, không ít lãnh đạo trường đại học xem tự chủ đại học là tự do, tự chủ triển khai mọi hoạt động mà không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan chủ quản. Hai cách hiểu này đều không đúng bản chất của tự chủ đại học (Nguyễn Xuân Huy, 2023).

Trên thực tế, Nhà nước thúc đẩy thực hiện tự chủ đại học thông qua việc chuyển đổi từ mô hình Nhà nước kiểm soát sang mô hình Nhà nước giám sát, thay đổi cách đầu tư cho giáo dục đại học từ phương thức đầu tư theo cơ chế bao cấp sang đầu tư theo cơ chế đặt hàng. Theo đó, Nhà nước chủ yếu thực hiện vai trò định hướng, giám sát; nguồn lực (tài chính, hạ tầng) từ Nhà nước được phân bổ cho trường đại học thông qua nhiệm vụ và sản phẩm cụ thể. Với nguồn lực có được, trường đại học được chủ động (tự chủ) trong cách thức tổ chức đào tạo, nghiên cứu, sử dụng con người để thực hiện sứ mệnh, mục tiêu chiến lược và các kế hoạch nhiệm vụ hằng năm (trong đó có các nhiệm vụ và sản phẩm đặt hàng). Tuy nhiên, vấn đề tự chủ tài chính thực ra chỉ mang ý nghĩa phương tiện chứ không phải mục đích của tự chủ đại học.

Tại Việt Nam, xu thế tự chủ đại học gắn liền với vai trò ảnh hưởng của Nhà nước thông qua hệ thống Luật, văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành. Theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày

24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017, các trường đại học công lập được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch phát triển trường, và tổ chức các hoạt động như đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, kế hoạch tài chính, tổ chức và nhân sự (Chính phủ, 2014). Tuy nhiên, nhiều học giả, tổ chức độc lập cho rằng các quyền tự chủ đại học chưa thật sự phát huy hết tác dụng vì tính chất chưa triệt để và thiếu sự nhất quán, đồng bộ các chủ trương, chính sách của Nhà nước về GDĐH (Nguyễn Minh Thuyết, 2014). Các cơ sở GDĐH dường như vẫn mong muốn được nâng cao quyền tự chủ, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý tài chính, bộ máy, nhân sự, tuyển sinh, trang thiết bị, cơ sở vật chất (Biển Văn Minh, 2016). Một số cơ sở GDĐH cho rằng, sự dịch chuyển từ mô hình quản lý kiểm soát sang giám sát của Nhà nước còn chậm; vai trò của Nhà nước đối với tự chủ đại học thể hiện sự bất hợp lý khi can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của cơ sở GDĐH; thậm chí gây cản trở xu thế tự chủ đại học và sự phát triển của chính cơ sở GDĐH đó (Lương Văn Hải, 2011).

2.2. Thực trạng tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay

Trong quá trình triển khai tự chủ đại học từ 2015 – 2022 đã đạt nhiều thành tích trong các cơ sở giáo dục đại học với những con số ấn tượng sau đây theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022):

141/232 trường đại học đủ điều kiện tự chủ: Cả nước có tổng cộng 141/232 trường đại học đủ điều kiện tự chủ theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Giáo dục đại học. Các trường chưa đủ điều kiện tự chủ với lý do: Chưa công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học chiếm 18,53%, chưa thành lập hội đồng trường chiếm 7,5%, và chưa ban hành đầy đủ các văn bản, quy chế theo quy định và chưa đáp ứng các yêu cầu khác (như chưa chuyển đổi mô hình tổ chức từ dân lập sang trường tự chủ).

154/170 cơ sở Giáo dục đại học công lập đã thành lập Hội đồng trường: Cả nước có 154/170 cơ sở GDĐH công lập đã thành lập hội đồng trường theo Luật số 34 và Nghị định 99 (đạt 90,6%). Việc thành lập hội đồng trường tại các trường trực thuộc các bộ, ngành, địa phương đạt tỉ lệ 91,18%. Đa số các trường thực hiện tự chủ ở mức độ toàn diện và sâu rộng đều đã mang lại hiệu quả tích cực (trên 77%).

Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng 31%: Trong thời gian gần đây, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tại các cơ sở GDĐH ngày một tăng thêm (tăng từ 25% năm 2018 lên trên 31% năm 2021). Tỷ

lệ giảng viên có chức danh giáo sư và phó giáo sư cũng tăng dần đều hàng năm (tỷ lệ giáo sư tăng thêm 0,5%/năm; phó giáo sư tăng thêm 5-6%/năm). Tỷ lệ trợ giảng có trình độ đại học giảm mạnh (giảm trên 50% từ 2016 đến 2021).

32,76% trường đại học đã tự bảo đảm chi thường xuyên: Về mức độ tự chủ tài chính, đến thời điểm hiện tại: 32,76% trường đại học đã tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), 13,79% số lượng trường đã tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2). Số trường chưa bảo đảm chi thường xuyên nhưng có kế hoạch trong thời gian sắp tới chiếm khoảng 16,38%. Tỷ lệ các trường hiện đang được ngân sách nhà nước (NSNN) bảo đảm chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác là rất thấp (chiếm 3,45%).

Tỷ lệ tuyển sinh tăng lên 97,80%: Đối với tuyển sinh đại học chính quy, chỉ tiêu hàng năm tăng nhẹ; tỷ lệ % đạt được tuyển sinh trong 03 năm tăng từ 83,46% tăng lên 97,80%. Tuy nhiên, tỷ lệ tuyển sinh trình độ tiến sĩ có phần suy giảm do yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra cao hơn tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT.

Số lượng bài báo quốc tế tăng 3,5 lần: Số lượng bài báo quốc tế trong danh mục Web of Science (WoS) tăng thêm hơn 3,5 lần sau 4 năm, số bài báo trong danh mục SCOPUS của các cơ sở GDĐH tăng thêm hơn 4 lần.

Tuy nhiên, theo phát biểu khai mạc hội nghị giáo dục đại học năm 2024 của Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn, việc triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2023-2024 về giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: việc thực hiện tự chủ đại học ở một số cơ sở đào tạo còn chậm, lúng túng, nhất là vấn đề thành lập, kiện toàn hội đồng trường, quan hệ phối hợp giữa hội đồng trường với ban giám hiệu... Việc triển khai Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm còn chậm, nhiều địa phương chưa nhận thức đúng quyền và trách nhiệm của mình trong việc triển khai nhiệm vụ này.

Việc kiểm định chất lượng, thực hiện theo chuẩn chương trình đào tạo triển khai còn chậm; hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tuy đã tích cực triển khai nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa phát huy hết theo

chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng chậm, chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục đại học; công tác tuyển sinh mặc dù đã có nhiều đổi mới, nhưng việc cho phép các cơ sở đào tạo thực hiện tuyển sinh theo nhiều phương thức cũng gây khó khăn cho thí sinh trong quá trình lựa chọn; phương thức xét tuyển sớm chưa thực sự bảo đảm độ tin cậy, khách quan, công bằng cho các thí sinh và giữa các cơ sở đào tạo (Phan Thảo, 2024).

2.3. Một số giải pháp thúc đẩy tự chủ đại học ở Việt Nam

Để tự chủ đại học đi vào thực chất, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu của các trường, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Cần tiếp tục đẩy mạnh tự chủ đại học, tăng đầu tư và nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; chú trọng các giải pháp đột phá về cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, tạo động lực và môi trường cạnh tranh lành mạnh phát triển giáo dục đại học; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm; đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

Xây dựng và ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học, chuẩn các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế. Đẩy nhanh việc kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học; khuyến khích các cơ sở đào tạo tham gia kiểm định quốc tế.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục, nhất là cơ sở giáo dục đại học, chú trọng gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

Đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả đầu tư cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với ứng dụng chuyển giao và hợp tác quốc tế; khuyến khích hợp tác doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học để thúc đẩy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, cho phép các cơ sở giáo dục đại học được sử dụng tài sản trí tuệ, tài sản, tài chính và các nguồn lực khác thành lập doanh nghiệp, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

3. Kết luận

Tự chủ đại học là xu hướng tất yếu của các trường đại học tại Việt Nam nhằm đáp ứng sự phát triển về kinh tế xã hội và khoa học công nghệ và thỏa mãn nhu cầu tự thân của chính các trường đại học. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích ấn tượng trong quá trình triển khai tự chủ đại học nhưng vẫn còn tồn tại rất nhiều vướng mắc và khó khăn. Do vậy, việc triển khai đồng bộ các giải pháp về chính sách, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác phát triển là vô cùng cần thiết để thúc đẩy tự chủ đại học tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (Nghị quyết số 29-NQ/TW)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Báo cáo Hội nghị tự chủ đại học 2022*.
3. Chính phủ, (2014), *Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017*.
4. Lương Văn Hải (2011), *Vai trò của Nhà nước trong mở rộng quyền tự chủ của các trường đại học công lập Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
5. Nghiêm Xuân Huy (2023), *Con người là yếu tố quyết định khi thực hiện tự chủ đại học*, Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam, <https://giaoduc.net.vn/con-nguoi-la-yeu-to-quyet-dinh-khi-thuc-hien-tu-chu-dai-hoc-post239216.gd>
6. Biền Văn Minh (2016), *Tự chủ - Một hình thức “khoán 10” cho Giáo dục đại học Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Vấn đề tự chủ - tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học và cao đẳng Việt Nam”, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 68-74.
7. Phan Thảo (2024), *Nhiều trường lúng túng, chậm thực hiện tự chủ đại học*, Báo điện tử Sài Gòn Giải phóng Online, <https://www.sggp.org.vn/nhieu-truong-lung-tung-cham-thuc-hien-tu-chu-dai-hoc-post753283.html>
8. Đào Trọng Thi (2020), *Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030*, Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia, mã số. KHGD/16-20.
9. Nguyễn Minh Thuyết, (2014), *Tự chủ đại học: Những bất cập cần giải quyết*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 21, 4-7.